



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Huynh Tân lê
Last Middle First

Current Address: 193/47 Nguyen Cu Trinh street I Saigon

Date of Birth: 9-4-1939 Place of Birth: Quảng Bình Việt Nam

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 24-6-75 To 29-1-84
Years: 9 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Huynh - Tan - loc
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Tran-thi Hong Suong	20-4-1946	Wife
Huynh Tran Vinh Loc	8-5-1971	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FR: HUYNH TÂN LỘC
3 i lý chính Thang Q3 TP. HCM.

R

NO 4

17

7615

TO: Mrs KHUC MINH THO

P.O BOX 5435

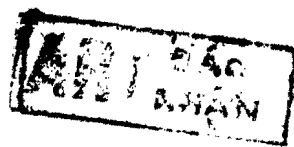
ARLINGTON, VA 22205-0635

USA.

AUG 11 1988



PAR AVION VIA AIR MAIL



Số 1420 (1) HEH/46

Ngày 6 tháng 7 năm 19 59

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

TRẦN THỊ HỒNG SƯƠNG

Năm một ngàn chín trăm 53 ngày 6 tháng 7 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là HUYỀN KHÁC DUNG Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

J. NGUYEN VAN TRA

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— **TRẦN VĂN NGÀ**

2.— **NGUYỄN VĂN AN**

3.— **LÂM THỊ NỮ**

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

TRẦN THỊ HỒNG SƯƠNG

sinh ngày 20-4-1946 tại Long Điền, Baria, con của
TRẦN VĂN MỸ và LÂM THỊ HINH;

Vả duyên cớ mà cha mẹ không có thể xin sao-lục
khai-sanh được, là vì bộ sinh năm 1946 của Long Điền, không có nộp tại
Tòa án.

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự đề xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ tứ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký lên không rõ,



LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 30 tháng 1 năm 19 69
HÀNH - LỤC - SỰ.

GIÁ TIỀN : 5\$00

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

L22/10

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN NHÌ

HỘ-TỊCH

Số hiệu 4705/4

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

hay mới mới (1971)

Năm một ngàn chín trăm

Tên, họ đứa nhỏ	HUYNH TRAN VINH LOC
Phái	Nam
Ngày sanh	Tam tháng năm năm một ngàn chín trăm hay mới mới 21/3/5
Nơi sanh	Saigon, 171 Co Bao
Tên, họ người Cha	HUYNH TAN LOC
Tuổi	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp	Quan nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 89 Huynh quang Tien
Tên, họ người mẹ	TRAN THI HONG SUCHE
Tuổi	Mười mười lăm
Nghề-nghiệp	Mại trữ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 89 Huynh quang Tien
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

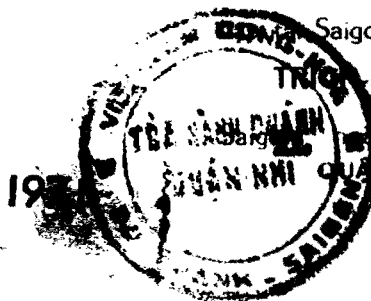
14 5 71

Saigon, ngày tháng năm 19

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

20 5 71

QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NHÌ



QUẢN-TRƯỞNG

27/7/1988

Kính thưa Bà.

Hôm nay tôi gửi hồ sơ ODP đến Bà và kính mong Bà giúp đỡ tôi được có tên trong danh sách ODP cũng như tất cả các bạn tôi đã gửi tại trại cải tạo ở Thái Lan, trong năm 1984 tôi đã gửi hồ sơ ODP ở Thái Lan rồi nhưng cho tới hôm nay tôi chưa được graty gì cả trong khi đó có một số bạn bè đã có I.V và Lôi. Vậy nay tôi gửi hồ sơ này đến Bà mong Bà giúp đỡ vì tôi cũng là diện si quan chế độ cũ và đã cải tạo 8 năm 7 tháng.

Tôi xin trình bày cũng Bà là graty ra trại của tôi có để ở phân chui và nhân viên thuê và mà chỉ tôi là đại úy vì tôi là quân nhân biệt phái, trước khi đi tôi là chỉ huy trưởng chi đoàn 3/14 thiết kỵ thuộc thiết đoàn 14 kỵ binh, và tôi được lệnh biệt phái về nhiệm vụ cũ là trợ lý nhà thuê và thuê bộ tài chánh năm 1972, và tôi lên cấp đại úy từ 1-1-1972 và làm việc tại ty thuê và Q2 cho đến ngày 20-4-1975 và sau đó tôi đi cải tạo từ 20-6-1975 cho đến ngày 29-1-1984 tôi mới được thả về. Sau gần 9 năm cải tạo tôi quên anh ngữ rất nhiều nên tôi không thể trình bày rõ ràng chi tiết bằng Anh ngữ vậy mong Bà vui lòng giúp đỡ đến tôi. Thật thật cảm ơn Bà rất nhiều.

18/8/88

H. Tân Lộc.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name : HUYNH TAN LỘC Sex: MALE
Họ, tên : MALE
2. Other Names : NONE
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth : APRIL 9th 1939 PHÚNHUÂN GIADÌNH
Ngày/Nơi Sinh : APRIL 9th 1939 PHÚNHUÂN GIADÌNH
4. Residence Address : 193/47 NGUYỄN CỬ TRINH STREET Q1 SAIGON
Địa-chỉ thường-trú : 193/47 NGUYỄN CỬ TRINH STREET Q1 SAIGON
5. Mailing Address : 31 LÝ CHÍNH THẮNG STREET Q2 SAIGON
Địa-chỉ thư-tử : 31 LÝ CHÍNH THẮNG STREET Q2 SAIGON
6. Current Occupation : NONE
Nghề-nghiệp hiện tại : NONE

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. TRẦN THỊ HỒNG SƯƠNG	APRIL 20 th 1946	LONG DIỄN	FEMALE	M	WIFE
2. HUYNH TRẦN VINH LỘC	MAY 8 th 1971	SAIGON	MALE	S	SON
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
0.					
1.					
2.					

NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy kết hôn (nếu đã ly dị), giấy ly hôn (nếu đã ly hôn), giấy chứng nhận góa thê (nếu góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn thì chúng-nhau với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng Ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

HUYNH TRẦN BẢO LỘC
: HUYNH TRẦN BỬU LỘC

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

: MAY 1988

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

: NONE

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

:

c. Address
Địa-chỉ

:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha

: HUYNH VĂN DUY - DEAD

2. Mother
Mẹ

: NGUYỄN THỊ LIỄU - DEAD

3. Spouse
Vợ/Chồng:

: TRẦN THỊ HỒNG SƯƠNG

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

NONE

5. Children
Con cái:

(1) HUYNH TRẦN VINH LỘC 1971

(2) HUYNH TRẦN BẢO LỘC 1972

(3) HUYNH TRẦN BỬU LỘC 1974

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc : NONE
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : MAJOR REEL
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam : NONE
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes No (.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thư nếu có.

Đúng sự có không? Có _____ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: HUYNH TAN LỘC
2. School and School Address : ARTILLERY AND MISSILE SCHOOL
Trường và địa-chỉ nhà trường : FORT SILL OKLAHOMA 73503
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: MAY 1968 Đến: AUGUST 1968
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : COMMUNICATION COC # 11 - 6B
5. Who paid for training? : (2LT HUYNH TAN LỘC 1ST OFF STU BTRY)
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : US GOVERNMENT

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No X

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : HUYNH TAN LỘC
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: JUNE 20th 1975 Đến: JANUARY 29th 1984
3. Still in Reeducation?* Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo?* Có _____ Không X

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên : usbo

Date

Ngày: JULY 22th 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. RELEASED ~~ORDER~~ CERTIFICATE (copy)

1. MARRIED CERTIFICATE

2. BIRTH CERTIFICATE

2. PHOTOS

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NONE

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HUYNH TAN LOCK

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến APRIL 30th 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : CAPTAIN Serial Number: 59/151682

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung : 14th CAVALRY

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : COL. HUYNH VAN TAM
MAJOR VU KHAN H DU

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QCTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

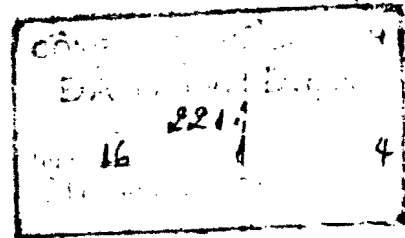
Trại **XUÂN LỘC**

Số **88** GRI

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **148/QĐ** ngày **16** tháng **01** năm **1984**

Của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh

HUỲNH TẤN LỘC

Sinh năm **1939**

Còn tên gọi khác

Họ sinh

Gia đình

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

193/47 Nguyễn cử trình. QUẬN I. TP/ HỒ CHI MINH

Cán tội **Đại úy nhân viên thuế vụ bộ tài chính**

Bị bắt ngày

24/6/75

Án phạt

TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án

lần, công thành

năm

tháng

Đã được giảm án

lần, công thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại

193/47 Nguyễn cử trình. Quận I. TP/ HỒ CHI MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

Đường sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày

tháng

năm 19

Lưu tay ngón trỏ phải

Của **Huỳnh tấn Lộc**

Danh bản số

Lập tại



Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

usl

Huỳnh tấn Lộc

Ngày **29** tháng **1** năm 19 **84**

Giám thị

Đại úy : Hoàng xuân

MIỄN PHÍ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH - PHỐ
HẢI- PHÒNG

QUẬN : ĐỨC-HÒA

XÃ : ĐỨC-HÒA

TRÍCH-LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

Số hiệu : 401

Tên, họ người chồng HỒNH-TÂN-LỘC

nghe - nghiệp QUẢN-LIÊN

sinh ngày 09 tháng 4 năm 1939

tại Phố-Nguyễn - GIA-DỊNH

cư - sở tại / /

tạm - trú tại KBC. 3.641

Tên, họ cha chồng HUYỀN-VĂN-DUY (sống) 69 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng HOÀNG-THỊ-LIỀU (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ TRẦN-THỊ-HỒNG-MINH

nghe - nghiệp Hội-Trợ

sinh ngày 20 tháng 4 năm 1946

tại Long-Diên - Hà-Rịa

cư - sở tại Số 89 Đường Nguyễn Trọng Tuyển SAIGON

tạm - trú tại /

Tên, họ cha vợ TRẦN-VĂN-MÔI (sống) 54 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ LÊ-THỊ-HIỆM (sống) 51 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới Ngày 15 tháng II năm 1968 hồi 10 giờ 25 phút

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn - khế /

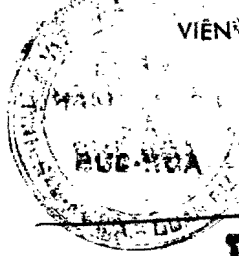
ngày / tháng / năm /

tại /

Trích y bản chính

ĐỨC-HÒA, ngày 15 tháng II năm 1968

VIỆN CHỨC HỖ-TỊCH
Kiêm ủy viên hỷ-tích



Signature

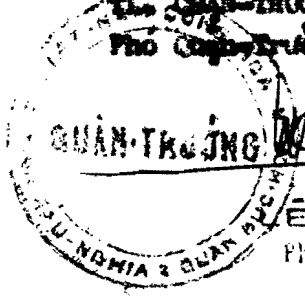
TRẦN-VĂN-DANG

CHỖNG THẬT

Chữ ký tên ngang bên đây của
Ông Chủ-Tịch kiêm Ủy-Tịch Xã
ĐỨC-HÒA

Đức-Hòa, ngày 15 / II / 1968

QUẢN-TRƯỞNG
Phó Chủ-tịch trưởng



ĐỨC-HÒA
Phó Đức-Sự



TRẦN THỊ HỒNG &
SỐNG

Huy nh - Trần
Thị Lộc



NGO TRANG.- SEP 69

To
/ Lt. Loc.

Best wishes

Joe Garrison

CONTROL

March 5 / 89

☐ Card
☒ Doc. Request; Form
☐ Release Order
☒ Computer 4-8-89
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter